

Hà Nội, ngày 2 tháng 2 năm 2021

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2021

I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2020

- Doanh thu hợp nhất Tập đoàn đạt 52.155 tỷ đồng, trong đó doanh thu Công ty Mẹ - Tập đoàn VNPT: 43.220 tỷ đồng bằng 96% KH. Nếu loại trừ yếu tố ảnh hưởng của Covid thì doanh thu Công ty Mẹ Tập đoàn hoàn thành 100,5%KH.
- Lợi nhuận hợp nhất Tập đoàn: 7.120 tỷ đồng; trong đó Công ty Mẹ - Tập đoàn VNPT: 5.150 tỷ đồng bằng 102,2% KH.
- Tổng nộp NSNN Tập đoàn đạt 5.208 tỷ đồng, trong đó NSNN Công ty Mẹ - Tập đoàn VNPT: 3.850 tỷ đồng bằng 104%KH.
- Thuê bao viễn thông:
 - Tổng số thuê bao điện thoại đạt trên 31.422 nghìn thuê bao, trong đó thuê bao cố định (có dây, không dây) đạt 2.031 nghìn thuê bao; thuê bao di động đạt 29.412 nghìn thuê bao.
 - Tổng số thuê bao Internet băng rộng đạt 6.428 nghìn thuê bao.
- Tổng vốn đầu tư (ước thực hiện): 9.350 tỷ đồng.

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2021

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch
1	Các chỉ tiêu sản lượng chủ yếu		
	- Thuê bao di động thực tăng	Nghìn thuê bao	400
	- Thuê bao Internet băng rộng cố định thực tăng	Nghìn thuê bao	1.000
2	Chỉ tiêu sản phẩm, dịch vụ công ích (nếu có)		
3	Doanh thu hợp nhất Công ty Mẹ - Tập đoàn	Tỷ đồng	45.165
4	Lợi nhuận trước thuế Công ty Mẹ Tập đoàn	Tỷ đồng	5.356
5	Nộp ngân sách Công ty Mẹ Tập đoàn	Tỷ đồng	4.092
6	Tổng vốn đầu tư Công ty Mẹ	Tỷ đồng	11.000

III. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

Nhằm thực hiện thắng lợi các mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch đã đặt ra, trong năm 2021 Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam tập trung triển khai một số nhiệm vụ, giải pháp chính như sau:

1. Tập đoàn thực hiện đồng bộ ban hành quyết định giao nguồn lực (KH SXKD, KH ĐTPT, KH BSC, Bộ chỉ số OKR) cho các đơn vị trong tháng 12/2020 để các đơn vị tổ chức triển khai các chương trình, kế hoạch hành động ngay từ đầu năm 2021.

2. Thúc đẩy phát triển dịch vụ số, chuyển dịch cơ cấu doanh thu theo hướng gia tăng doanh thu dịch vụ số trong tổng doanh thu dịch vụ VTCNTT: Thành lập 03 Ban chỉ đạo để tổ chức xây dựng mục tiêu, sản phẩm, chương trình hành động, tổ chức triển khai, đánh giá và giám sát kết quả thực hiện.

Chương trình hành động thực hiện thúc đẩy phát triển dịch vụ số được xây dựng theo hướng gắn trách nhiệm cụ thể cho từng cấp Tập đoàn, Tổng công ty và các đơn vị thành viên trong từng công việc từ thiết kế sản phẩm, xây dựng cơ chế chính sách, tổ chức triển khai được Tập đoàn ban hành trong tháng 12/2020.

3. Quản trị tốt chất lượng dịch vụ, tối ưu hóa đầu tư xây dựng cơ bản nhằm đạt kết quả cao về lợi nhuận. Nâng cao hiệu quả trong công tác đầu tư, đổi mới quy trình mua sắm trang thiết bị, đồng bộ xây dựng cơ sở hạ tầng nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu kinh doanh và tăng cường chất lượng mạng.

4. Đẩy mạnh triển khai và áp dụng kết quả các dự án chiến lược trong hoạt động SXKD, phục vụ thực hiện các mục tiêu kế hoạch năm. Đưa các nội dung dự án chiến lược cần triển khai gắn liền với các công việc thường xuyên của Tập đoàn, đơn vị thành viên và người lao động. Phát huy vai trò dẫn dắt của các Ban chức năng Tập đoàn trong việc thực hiện các Dự án Chiến lược.

5. Phát triển và củng cố dịch vụ di động thông qua tập trung vào kinh doanh dịch vụ mobile data nhằm tăng thị phần thuê bao di động, tăng số lượng thuê bao sử dụng, tăng doanh thu/tỷ trọng doanh thu sử dụng dịch vụ mobile data. Đẩy mạnh bổ sung sản phẩm trong các lĩnh vực Y tế; Giáo dục; Quản trị doanh nghiệp; Nông nghiệp thông minh; Du lịch; Công nghiệp, xây dựng; Phân phối bán lẻ; Logistic,... Tham gia xây dựng và triển khai Đề án Chuyển đổi Số cho các doanh nghiệp bao gồm triển khai hạ tầng, các ứng dụng quản trị doanh nghiệp và ứng dụng chuyên ngành. Tập trung nguồn lực tham gia phát triển và cung cấp các nền tảng Số dùng chung của Chính phủ, Bộ ngành cung cấp ở quy mô quốc gia, triển khai các dự án Công nghệ thông tin trọng điểm cho Chính phủ, Bộ ngành, gồm: nền tảng trao đổi định danh và xác thực điện tử quốc gia, nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia, nền tảng thanh toán Payment Platform, ứng dụng cho người dân và doanh nghiệp, Cổng dữ liệu mở, CSDL quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức, CSDL quốc gia về đất đai, CSDL nền địa lý quốc gia, CSDL Y tế, CSDL Giáo dục,...

6. Đột phá về cơ chế chính sách nhằm thúc đẩy SXKD. Tiếp tục đổi mới và ban hành các cơ chế tạo động lực nhằm đánh giá, trả lương, thưởng, phúc lợi để khuyến khích người lao động, đặc biệt là lao động chuyên gia, lao động trong lĩnh vực dịch vụ Số và Công nghệ thông tin, phát huy hết năng lực, sở trường góp phần xây dựng VNPT trở thành tổ chức có năng suất lao động - hiệu quả cao.

Hoàn thiện quy trình để nâng cao hiệu quả hợp lực giữa các đơn vị thành viên trong việc xây dựng, thiết kế sản phẩm dịch vụ đến khâu triển khai cung cấp dịch vụ cho khách hàng.



7. Đổi mới công tác điều hành thực hiện mục tiêu SXKD thông qua (1) phân định rõ trách nhiệm của Tập đoàn, Tổng công ty và các đơn vị thành viên trong việc thực hiện mục tiêu; (2) Nâng cao vai trò dẫn dắt, điều hành của Tập đoàn và Tổng công ty trong việc triển khai thực hiện các mục tiêu SXKD tại các địa bàn; (3) Quyết liệt điều hành việc triển khai thực hiện mục tiêu kế hoạch tại 12 địa bàn trọng điểm; (4) Sử dụng kết hợp công cụ quản trị BSC và OKR để quản trị mục tiêu chiến lược trong năm.

8. Đổi mới phương thức bán hàng nhằm thích ứng với chính sách quản lý của Nhà nước. Triển khai các giải pháp để nâng cao chất lượng, năng lực đội ngũ bán hàng, đặc biệt là bán hàng các dịch vụ/gói dịch vụ mới.

9. Áp dụng các kết quả tư vấn chiến lược để phân vùng và tối ưu hóa chi phí, vốn đầu tư (OPEX, CAPEX): Xác định ưu tiên kế hoạch đầu tư phát triển theo các yếu tố cơ bản như ARPU, NPV, tiềm năng chiếm lĩnh thị trường, tăng thị phần/doanh thu, dân cư, thu nhập bình quân đầu người, các yếu tố về địa lý,... theo Chiến lược VNPT 4.0 như sau:

Tăng cường phạm vi, vùng phủ với các kế hoạch đầu tư phát triển mạng lưới ưu tiên triển khai 4G/5G, FTTx,... theo địa bàn thành phố /tỉnh /huyện /khu vực; Ảo hóa/Cloud,... theo các Module, phân hệ, chức năng mạng lưới, nền tảng hạ tầng (platform),...

Tăng cường dung lượng mạng lưới với các kế hoạch đầu tư ưu tiên triển khai nâng cấp và bổ sung năng lực/dung lượng để cải thiện QoS/QoE của mạng lưới và dịch vụ theo địa bàn thành phố /tỉnh /huyện /khu vực /Site /Cell, theo vùng ưu tiên triển khai và NPV với các chương trình, mục tiêu tăng cường dung lượng, tăng cường vùng phủ và các khuyến nghị tối ưu hóa CAPEX của tư vấn chiến lược.

10. Hoàn thiện cơ sở dữ liệu tập trung, kho dữ liệu khách hàng, phân tích các đặc tính khách hàng theo tập khách hàng và theo địa bàn để đưa ra chính sách phù hợp.

11. Thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực hiện có, giảm lao động gián tiếp nhằm nâng cao năng suất lao động, nâng cao hiệu quả quản trị nguồn nhân lực; tăng cường tổ chức thực hiện tuyển dụng tập trung theo quy trình chuẩn nhằm thu hút nhân lực có chất lượng cao vào làm việc tại Tập đoàn. Xây dựng hệ thống chức danh công việc, vị trí công việc, khung năng lực, quản trị hiệu suất của VNPT và phương pháp đánh giá để triển khai đồng bộ từ Tập đoàn đến các đơn vị.

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN
KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



eOffice: 51875

T. Dung Thái

